

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 28 tháng 01, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	VCG	27/01/2026	19.8	38.214.200	6.863.380	5.57
2	VIP	27/01/2026	12.05	551.100	166.267	3.31
3	PAN	27/01/2026	29.85	2.491.800	911.143	2.73
4	ACV	27/01/2026	51.2	7.449.600	2.981.060	02.05
5	PLC	27/01/2026	34.6	1.557.300	657.773	2.37
6	ORS	27/01/2026	13.65	2.581.500	1.188.617	2.17
7	DBC	27/01/2026	28.55	12.497.000	6.741.394	1.85
8	FRT	27/01/2026	154.7	791.600	446.220	1.77
9	HHP	27/01/2026	13.1	1.704.900	972.360	1.75
10	PLX	27/01/2026	60.9	13.432.600	7.728.010	1.74
11	GAS	27/01/2026	115.3	5.889.900	3.463.863	1.7
12	BCM	27/01/2026	67.1	1.909.100	1.166.227	1.64
13	VAB	27/01/2026	11.3	1.429.100	870.510	1.64
14	NLG	27/01/2026	28.05	4.560.200	2.839.887	1.61
15	PVD	27/01/2026	29.3	14.281.000	9.414.703	1.52
16	SCS	27/01/2026	53.8	520.400	352.460	1.48
17	VOS	27/01/2026	12.9	1.986.600	1.342.937	1.48
18	IDC	27/01/2026	45.4	4.222.000	2.878.267	1.47
19	PVS	27/01/2026	40.8	12.369.800	8.630.790	1.43
20	GVR	27/01/2026	39.85	8.227.600	5.735.284	1.43
21	KDH	27/01/2026	26.7	7.971.400	5.563.047	1.43
22	VCI	27/01/2026	37	15.537.000	10.967.390	1.42
23	OIL	27/01/2026	14.7	7.394.500	5.233.687	1.41
24	BAF	27/01/2026	36.15	4.746.600	3.393.937	1.4
25	CTD	27/01/2026	77.3	852.000	628.360	1.36
26	BID	27/01/2026	52.6	12.478.800	9.404.373	1.33
27	NVL	27/01/2026	11.4	11.701.500	8.766.530	1.33



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	AAA	27/01/2026	7.8	1.658.850	41.88	7.78	0.2
2	ACB	27/01/2026	24.7	13.488.460	51.05	23.81	3.76
3	BAF	27/01/2026	36.15	3.499.210	40.9	34.67	4.28
4	BCM	27/01/2026	67.1	2.115.400	44.82	65.22	2.89
5	BVB	27/01/2026	13.9	5.221.240	53.58	13.65	1.79
6	CMG	27/01/2026	35.25	753.320	53.67	34.55	2.3
7	DBC	27/01/2026	28.55	8.592.930	56.88	27.14	5.18
8	DCM	27/01/2026	35.8	4.507.770	55.79	34.64	3.35
9	DPG	27/01/2026	44.2	1.039.740	64.16	42.23	4.67
10	DPM	27/01/2026	23.3	7.731.970	46.89	22.86	1.94
11	DRI	27/01/2026	12.3	1.717.290	42.01	12.14	1.31
12	DXP	27/01/2026	11	638.810	44.82	10.36	6.18
13	FPT	27/01/2026	102.1	12.389.550	56.04	99.49	2.62
14	HAH	27/01/2026	56.8	2.384.660	43.49	56.34	0.82
15	HPG	27/01/2026	26.45	41.003.248	44.93	25.62	3.26
16	HUT	27/01/2026	15.9	1.671.650	49.26	15.7	01.03
17	KBC	27/01/2026	33.85	8.443.900	41.38	31.87	6.21
18	LPB	27/01/2026	42	1.917.520	44.82	40.65	3.32
19	MIG	27/01/2026	17.8	652.520	45.11	16.7	6.57
20	MSB	27/01/2026	12.2	6.472.090	40.33	11.83	3.16
21	MSN	27/01/2026	76.7	8.136.160	41.91	75.12	2.1
22	NRC	27/01/2026	5.8	949.430	43.44	5.71	1.59
23	NTP	27/01/2026	63.1	972.280	44.69	62.15	1.53
24	OCB	27/01/2026	11.75	2.302.810	38.91	11.73	0.2
25	PAN	27/01/2026	29.85	1.290.670	69.7	28.92	3.23

Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	DCL	55	54.8	618.940
2	GAS	115.3	110.9	4541950
3	NAF	41.5	40.35	749.530

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	HPX	5.27	5.25	2.738.380

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BTP	8.25	8.2	180.090
2	HHG	1.1	1.1	232.650
3	LDP	8.4	8.3	322.700
4	NAG	7.7	7.5	124.330
5	SZE	9.4	8.3	15.940
6	VOC	11.5	11.3	29.820
7	VPX	27.3	26.85	1.461.930
8	VTR	12.4	11	108.410

Vượt đỉnh phá đáy

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	ABT	65	66.6	14.200
2	ASM	6.15	6.27	480.100
3	AST	71.1	72	26.380
4	BTP	8.25	8.28	180.090
5	CCL	5.75	5.8	218.080
6	CII	17.25	17.9	16.359.880
7	CQN	30.5	31	17.910
8	CRE	7.68	7.7	342.460
9	EVG	7.1	7.11	838.500
10	FCN	13.8	13.85	1.316.970
11	GIL	13.3	13.4	251.180
12	HHV	12.1	12.3	5.267.750
13	HTN	7.77	7.85	232.120
14	ITC	12.85	13.15	130.960
15	KDH	26.7	27.65	6.750.990
16	KHG	6.68	6.74	19.164.830
17	LDP	08.04	8.5	322.700
18	NAG	7.7	7.8	124.330
19	NLG	28.05	29.15	3.692.330
20	NVL	11.4	11.85	8.599.590
21	SCR	6.89	6.95	2.696.190
22	SJS	54	55.5	40.310
23	STH	18.7	19	118.300
24	SVC	20	21.3	15.070
25	SZE	9.4	9.5	15.940
26	TVB	7.99	8	39.360
27	VCG	19.8	21.25	10.974.870
28	VEF	112	114	33.050



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	FPT	102.1	99.49	12.389.550
2	HUT	15.9	15.7	1.671.650
3	SIP	57.5	56.98	708670
4	VDS	17.85	17.69	1.504.440

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	DDV	26.7	26.65	2.129.920
2	DPM	23.3	23.28	7.731.970
3	FRT	154.7	147.94	584090
4	HCM	23.35	23.18	29.545.050
5	MIG	17.8	17.79	652.520
6	MWG	85	84.18	6.116.240
7	ORS	13.65	13.52	1.318.060
8	SZC	31	30.65	1.141.010
9	TPB	17.2	17.19	9717990
10	VDS	17.85	17.6	1504440
11	VEA	35.8	35.24	3124450

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAS	10.1	10.01	3.117.450
2	CTR	97	95.71	1.512.790
3	EVF	11.5	11.36	5003010
4	FPT	102.1	99.45	12.389.550
5	FRT	154.7	149.51	584.090
7	HNG	6.7	6.43	8752460
8	HUT	15.9	15.81	1671650
9	LPB	42	41.94	1917520
10	ORS	13.65	13.3	1318060
11	PVD	29.3	29.06	8690540
12	REE	62.4	62.03	722370
13	SAB	49.55	49.05	2881550
14	SZC	31	30.7	1141010
15	TNG	19.1	18.96	1923340
16	YEG	12.4	12.33	1899060



Cổ phiếu cắt xuống
dưới các đường trung
bình phát tín hiệu bán
khi giá có thể giảm sâu
hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	KHG	6.68	6.73	19.164.830

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	ABB	13.8	13.83	1.944.590
2	CTI	22.55	22.95	558.220
3	DXP	11	11.03	638810
4	OGC	3.82	3.89	912.410
5	VHM	110.6	112.7	8.759.280
6	VOS	12.9	12.98	2.563.260
7	VPL	91.9	91.94	730.020

Phá vỡ các đường trung bình

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CTI	22.55	22.69	558.220
2	DXP	11	11.3	638.810
3	HAX	10.75	10.8	568600
4	QCG	14.3	14.35	683.750
5	TCM	26.8	27.12	1.694.180
7	VFS	15.3	15.33	2155570
8	VGC	45	45.54	1561000
9	VHC	58.5	58.55	1592080
10	VOS	12.9	13.14	2563260



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SJD	27/01/2026	14.2	13.95	14.3	2.51	33,840
2	ODE	27/01/2026	45.9	45.3	46.8	3.31	17,780
3	RAL	27/01/2026	92.9	90.5	95.4	5.41	6,920
4	SMB	27/01/2026	39.5	38.85	40.95	5.41	11,200
5	CLL	27/01/2026	30.6	30.1	31.9	5.98	14,480
6	HMC	27/01/2026	11.5	11.25	12	6.67	12,060
7	VSH	27/01/2026	44.5	42	45	7.14	5,260
8	CHP	27/01/2026	28.1	27.8	29.86	7.41	70,200
9	TCW	27/01/2026	31.8	30.7	33	7.49	9,360
10	SCG	27/01/2026	64.9	62.1	66.8	7.57	23,180
11	PPH	27/01/2026	27.8	26.37	28.37	7.58	10,860
12	SHP	27/01/2026	34.5	33	35.6	7.88	5,260
13	PPC	27/01/2026	10.1	9.6	10.4	8.33	329,600
14	SSB	27/01/2026	17.45	16.6	18	8.43	2,009,600
15	DRL	27/01/2026	45.9	45.8	49.78	8.69	8,560
16	TDC	27/01/2026	11.55	11.25	12.25	8.89	182,220
17	GDT	27/01/2026	19.75	18.75	20.42	8.91	10,400
18	TCL	27/01/2026	35	33.3	36.35	9.16	21,180
19	HTG	27/01/2026	43.45	42	46	9.52	14,640
20	APF	27/01/2026	41	37.89	41.5	9.53	9,520
21	BMS	27/01/2026	13.4	12.4	13.6	9.68	136,280
22	NAB	27/01/2026	14.35	13.95	15.3	9.68	1,241,880
23	NTC	27/01/2026	154.5	152.2	167	9.72	18,140
24	SBA	27/01/2026	29.8	27.5	30.2	9.82	14,680
25	PPT	27/01/2026	15.3	14.2	15.6	9.86	242,380



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009